

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển giao nhà, đất thuộc trụ sở làm việc cũ của Chi nhánh Agribank huyện Kon Rẫy cho Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính về việc chuyển giao nhà, đất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về địa phương quản lý, xử lý theo quy định;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 1865/STC-QLGCS ngày 27 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển giao cơ sở nhà, đất tại thôn 1, thị trấn Đăk Rve, huyện Kon Rẫy (Chi nhánh Agribank huyện Kon Rẫy cũ) do Bộ Tài chính chuyển giao về tỉnh Kon Tum tại Quyết định số 36/QĐ-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2021, cho Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy quản lý, xử lý theo quy định (Chi tiết danh mục tài sản tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy có trách nhiệm phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và các đơn vị có liên quan thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ, thực hiện hạch toán tăng, giảm tài sản, báo cáo kê khai biến động tài sản theo đúng quy định. Sau khi thực hiện việc tiếp nhận,

Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy căn cứ nhu cầu sử dụng của địa phương và quy định của pháp luật về tài sản công, đất đai và pháp luật có liên quan để báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Giao Sở Tài chính hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy; Giám đốc Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (p/h);
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh (p/h);
- CVP, PVP UBND tỉnh (KTTH);
- Lưu: VT, KTTH.TTL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Sâm

DANH MỤC TÀI SẢN THUỘC TRỤ SỞ AGRIBANK CHI NHÁNH HUYỆN KON RẪY CỬ ĐỀ NGHỊ CHUYỂN GIAO VỀ ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ, XỬ LÝ

(Kèm theo Quyết định số 287 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Đồng

STT	Tài sản	Cấp, hạng	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Số tầng	Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà (m2)	Diện tích sàn sử dụng nhà (m2)	Giá trị theo sổ sách kế toán		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng
									Nguyên giá	Giá trị còn lại (Đến 31/12/2020)			
I	Đất					1,167.2			-	-	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số AE104498 do UBND tỉnh Kon Tum cấp cho Agribank Chi nhánh huyện Kon Rẫy Kon Tum ngày 29/03/2007 (Thời hạn sử dụng đến ngày 22/02/2047). - Quyết định số 680/NHNo-KT ngày 24/12/2000 của Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt quyết toán công trình Xây dựng Nhà làm việc. - Quyết định số 587/NHNo-KT ngày 24/12/2000 của Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt quyết toán Hạng mục công tường rào, sân bê tông. - Chứng từ nộp thuế đất năm 2018	Đất công trình sự nghiệp có kinh doanh	Đang bỏ trống
II	Nhà					438.02	438.02	368,572,682	-				
1	Nhà làm việc	IV	2000	2001	1	271.30	271.3	228,285,851	-				
2	Nhà công vụ	IV	2000	2001	1	136.80	136.80	115,110,595	-				
3	Nhà xe	IV	2000	2001	1	24	24	20,194,841	-				
4	Nhà vệ sinh	IV	2000	2001	1	5.92	5.92	4,981,394	-				
III	Vật kiến trúc trên đất							84,329,000	-				
1	Công, tường rào, sân bê tông		2000	2001				84,329,000	-				
	Tổng cộng							452,901,682	-				